

Phụ lục I
PHÂN CÔNG THAM MUÙ THỰC HIỆN, THEO DÕI, BÁO CÁO
CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2024
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND-HC ngày tháng năm 2024
của Ủy ban nhân dân Tỉnh)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Ước TH năm 2023	Kế hoạch năm 2024	Phân công tham mưu, theo dõi, báo cáo
I	Về kinh tế				
1	Tốc độ tăng trưởng GRDP (giá 2010)	%	5,66	8,0	Giám đốc Sở KH&ĐT
	+ Nông - lâm - thủy sản	%	3,95	3,9	Giám đốc Sở NN&PTNT
	+ Công nghiệp - xây dựng	%	6,86	9,68	
	. Công nghiệp	%	6,34	9,98	Giám đốc Sở CT
	. Xây dựng	%	9,26	8,32	Giám đốc Sở XD
	+ Thương mại - dịch vụ	%	6,45	10,43	Giám đốc Sở CT và Thủ trưởng các cơ quan phụ trách ngành dịch vụ
	Giá trị GRDP (giá 2010)	Tỷ đồng	61.473	66.391	
	+ Nông - lâm - thủy sản	Tỷ đồng	21.321	22.153	
	+ Công nghiệp - xây dựng	Tỷ đồng	13.782	15.116	
	. Công nghiệp	Tỷ đồng	11.292	12.419	
	. Xây dựng	Tỷ đồng	2.490	2.697	
	+ Thương mại - dịch vụ	Tỷ đồng	26.3670	29.122	
2	GRDP/người (giá thực tế)	Tr. đồng	68,37	76,56	Giám đốc Sở KH&ĐT

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Ước TH năm 2023	Kế hoạch năm 2024	Phân công tham mưu, theo dõi, báo cáo
		USD	2.873	3.161	
3	Thu NSNN trên địa bàn	Tỷ đồng	8.151	9.266	Giám đốc Sở TC
4	Huy động vốn đầu tư phát triển so với GRDP	%	20,77	24,09	Giám đốc Sở KH&ĐT
5	Tỷ lệ đô thị hóa	%	39,5	39,6	Giám đốc Sở XD
	+ Theo quy định tại Nghị định số 94/2022/NĐ-CP	%	28,76	28,85	
6	Giá trị xuất khẩu hàng hoá (không tính hàng hoá tạm nhập tái xuất)	Triệu USD	1.291	1.400	Giám đốc Sở CT
II	Về văn hoá - xã hội				
7	Tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng số lao động xã hội	%	44,5	41,8	Giám đốc Sở LĐ- TB&XH
8	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	75,4	77,2	Giám đốc Sở LĐ- TB&XH
	Trong đó, đào tạo nghề	%	54,2	55,6	
9	Giảm tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025)	%	0,65	0,4	Giám đốc Sở LĐ- TB&XH
10	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng theo chiều cao (theo kết quả cân của Tỉnh)	%	14,74	14,54	Giám đốc Sở YT
11	Số giường bệnh/vạn dân	GB	29,3	30	Giám đốc Sở YT
	Trong đó, giường bệnh công lập	GB	26,4	27	

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Ước TH năm 2023	Kế hoạch năm 2024	Phân công tham mưu, theo dõi, báo cáo
12	Số bác sĩ/vận dân	BS	10,28	10,4	Giám đốc Sở YT
13	Tỷ lệ dân cư tham gia BHYT	%	93,32	93,89	Giám đốc Sở YT
14	Số xã đạt tiêu chí xã nông thôn mới	xã	115	115	Giám đốc Sở NN&PTNT
	- Số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao trong năm	xã	16	10	
	+ <i>Tổng số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao</i>	<i>xã</i>	<i>34</i>	<i>44</i>	
	- Số xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu trong năm	xã	01	03	
	+ <i>Tổng số xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu</i>	<i>xã</i>	<i>01</i>	<i>04</i>	
15	Đơn vị cấp huyện cơ bản đạt chuẩn nông thôn mới	Đơn vị	3	3	Giám đốc Sở NN&PTNT
	+ <i>Tổng số đơn vị cấp huyện cơ bản đạt chuẩn nông thôn mới</i>	<i>Đơn vị</i>	<i>8</i>	<i>11</i>	
16	Số hợp tác xã thành lập mới	HTX	11	7	Giám đốc Sở KH&ĐT
	<i>Tổng số hợp tác xã thành lập mới từ năm 2021 đến nay</i>	<i>HTX</i>	<i>25</i>	<i>32</i>	
17	Tỷ lệ đối tượng tham gia BHXH so với lực lượng lao động trong độ tuổi	%	17,30	17,79	Giám đốc Sở LĐ- TB&XH
	Tỷ lệ đối tượng tham gia BHXH bắt buộc so với lực lượng lao động trong độ tuổi	%	14,07	14,30	

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Ước TH năm 2023	Kế hoạch năm 2024	Phân công tham mưu, theo dõi, báo cáo
	Tỷ lệ đối tượng tham gia BHXH tự nguyện so với lực lượng lao động trong độ tuổi	%	3,23	3,49	
18	Tỷ lệ đối tượng tham gia bảo hiểm thất nghiệp so với lực lượng lao động trong độ tuổi	%	12,68	12,45	Giám đốc Sở LĐ- TB&XH
III	Về môi trường				
19	Tỷ lệ hộ dân thành thị sử dụng nước sạch.	%	99,6	99,8	Giám đốc Sở XD
20	Tỷ lệ hộ dân nông thôn sử dụng nước sạch	%	94	96,2	Giám đốc Sở NN&PTNT
21	Tỷ lệ chất thải rắn ở đô thị được thu gom, xử lý.	%	92	94	Giám đốc Sở TN&MT
22	Tỷ lệ chất thải nguy hại được xử lý	%	95	96	Giám đốc Sở TN&MT

- Dân số năm 2022 ước tính: 1.600.170 người;
- Dân số năm 2023 ước tính: 1.600.250 người.
- Dân số năm 2024 ước tính: 1.600.300 người.
- Tỷ giá USD và VND theo tỷ giá hối đoái bình quân: (Nguồn TCTK)
 - + Năm 2022 (ước tính): 23.400
 - + Năm 2023 (ước tính): 23.800
 - + Năm 2024 (ước tính): 23.900